

Số: 45 /2019/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 29 tháng 11 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái do ngân sách địa phương bảo đảm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định về nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái, do ngân sách địa phương bảo đảm;

b) Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra thống kê và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê) như sau:

a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê: 18 triệu đồng.

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê: 06 triệu đồng.

2. Chi tiền công

a) Tiền công thuê ngoài

Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc thuê ngoài được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

b) Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.

3. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin là cá nhân

a) Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 30.000 đồng/phiếu.

b) Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 40.000 đồng/phiếu.

c) Từ 41 chỉ tiêu trở lên: 50.000 đồng/phiếu.

4. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin là tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

a) Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 65.000 đồng/phiếu.

b) Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 80.000 đồng/phiếu.

c) Từ 41 chỉ tiêu trở lên: 95.000 đồng/phiếu.

Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước, mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi đối với tổ chức quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này.

5. Chi xử lý kết quả điều tra thống kê

Mức chi nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thống kê thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra thống kê trong các cuộc điều tra thống kê, tối đa bằng 5% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu.

6. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp; chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê; chi công bố kết quả điều tra thống kê thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cập nhật văn bản trên CSDLQGPL);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (đăng Công báo);
- TT. HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó CVP Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Trà